

Số: 49/QĐ-ĐHKTCN

Thái Nguyên, ngày 19 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp trợ cấp xã hội cho sinh viên hệ Đại học chính quy tập trung dài hạn
Học kỳ II năm học 2017 – 2018
(Từ tháng 1/2018 đến tháng 6/2018)

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

Căn cứ nghị định số 31/CP ngày 4/4/1994 của chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ thông tư 08/2014/TT-BGD & ĐT ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22 tháng 10 năm 2015 về việc ban hành quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ vào quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 về Học bổng và Trợ cấp xã hội đối với HSSV các trường đào tạo Công lập;

Căn cứ quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 về điều chỉnh mức HBCS và TCXH đối với HSSV là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập quy định tại QĐ số 1121/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ vào kết quả xét trợ cấp xã hội cho sinh viên hệ chính quy dài hạn học kỳ II năm học 2017 – 2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác HSSV và Trưởng phòng Kế hoạch tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay trợ cấp xã hội học kỳ II năm 2017 – 2018 cho 84 sinh viên (có danh sách kèm theo).

Mức trợ cấp 140.000đ/01 tháng đối với sinh viên là dân tộc vùng cao(DT-VC):

$$75 \text{ SV} \times 140.000\text{đ} \times 6 \text{ tháng} = 63.000.000\text{đ}$$

Mức trợ cấp 100.000đ/01 tháng đối với sinh viên là con mồ côi (CMC) và hộ nghèo học giỏi (HN-HG):

$$9 \text{ SV} \times 100.000\text{đ} \times 6 \text{ tháng} = 5.400.000\text{đ}$$

Cộng: **68.400.000đ**

Số tiền bằng chữ: *Sáu mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn.*

Điều 2. Các ông Trưởng phòng Công tác HSSV, Trưởng phòng Kế hoạch-Tài chính, đơn vị có liên quan và những HSSV thuộc đối tượng ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu: VT, CTHSSV.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Duy Cường



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC TRỢ CẤP XÃ HỘI
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2017-2018**

Kèm theo quyết định số: 49/QĐ-ĐHKTCTN ngày 19 tháng 4 năm 2018

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Mức TC/ 01 tháng	Số tháng	Thành tiền	Ghi chú
1	K135520201094	Lư Huy Hoàng	K49HTĐ.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
2	K135520201118	Thào A Tủa	K49HTĐ.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
3	K135520201199	Thào A Cở	K49HTĐ.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
4	K135520201202	Triệu Quang Dũng	K49HTĐ.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
5	K135520201295	Triệu A Pù	K49HTĐ.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
6	K125580205061	Hà Thị Thảo	K49HTĐ.01	MOCO	100.000	6	600.000	
7	K135520201064	Hoàng Thanh Vinh	K49KTĐ.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
8	K135520201207	Ngô Văn Đức	K49KTĐ.02	DT-VC	140.000	6	840.000	
9	K135520201196	Tần Kim Bình	K49KTĐ.03	DT-VC	140.000	6	840.000	
10	K135520201247	Nguyễn Văn Toàn	K49KTĐ.03	DT-VC	140.000	6	840.000	
11	K135520216044	Lý Láo Tả	K49TĐH.02	DT-VC	140.000	6	840.000	
12	K135520216052	Hoàng Vĩnh Tọa	K49TĐH.02	DT-VC	140.000	6	840.000	
13	K135520216148	Tô Quang Hoài	K49TĐH.03	DT-VC	140.000	6	840.000	
14	K145520201004	Hoàng Văn Điệp	K50KTĐ.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
15	K145520201011	Lý Văn Cương	K50KTĐ.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
16	K145520201031	Trần Thị Khánh Hòa	K50KTĐ.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
17	K145520201132	Nguy Văn Phương	K50KTĐ.02	DT-VC	140.000	6	840.000	
18	K145520216130	Tàng Văn Thịnh	K50TĐH.02	DT-VC	140.000	6	840.000	
19	K155520201008	Nông Văn Điền	K51KTĐ.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
20	K155520216046	Lương Văn Sơn	K51TĐH.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
21	K155520216071	Chu Thị ánh	K51TĐH.02	DT-VC	140.000	6	840.000	
22	K155520216184	Lâm Thị Thảo	K51TĐH.03	DT-VC	140.000	6	840.000	
23	K155520216197	Nông Đình Tường	K51TĐH.03	DT-VC	140.000	6	840.000	
24	K155520216165	Phan Thị Linh	K51TĐH.03	HN-HG	100.000	6	600.000	
25	K155520216241	Đỗ Hữu Quang	K51TĐH.04	DT-VC	140.000	6	840.000	
26	K155520216243	Trần Văn Quỳnh	K51TĐH.04	DT-VC	140.000	6	840.000	
27	K155520216222	Chu Văn Hòa	K51TĐH.04	MOCO	100.000	6	600.000	
28	K155520216259	Đỗ Văn Tuấn	K51TĐH.04	MOCO	100.000	6	600.000	
29	K165520216211	Triệu Đức Mạnh	K52ĐKT.04	DT-VC	140.000	6	840.000	
30	K165520216212	Trần Công Minh	K52TĐH.04	DT-VC	140.000	6	840.000	
31	K175520201224	Vàng Go Po	K53ĐĐT.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
32	K175520201228	Triệu Quang Linh	K53ĐĐT.02	DT-VC	140.000	6	840.000	
33	K175520201156	Lâm Vĩnh Doanh	K53ĐĐT.03	DT-VC	140.000	6	840.000	

34	K175520201197	Lò Văn	Sơn	K53ĐĐT.03	DT-VC	140.000	6	840.000	
35	K175520216043	Lữ Văn	Sơn	K53ĐKT.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
36	K135520207054	Nông Đức	Cảnh	K49ĐVT.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
37	K135520114023	Lư Văn	Hiền	K49CĐT.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
38	K135520114048	Nguyễn Thị	Thuyết	K49CĐT.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
39	K135520207005	Triệu Ngọc	Dính	K49KĐT.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
40	K135520207069	Lục Thị	Hiền	K49KĐT.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
41	K145520207022	Hoàng Văn	Lộc	K50ĐVT.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
42	K145520207004	Nông Thị	Chang	K50KĐT.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
43	K145520207080	Diệp Thị	Nụ	K50KĐT.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
44	K155520114123	Hứa Tiên	Tiến	K51CĐT.02	DT-VC	140.000	6	840.000	
45	K165520207030	Lâm Văn	Thế	K52ĐTT.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
46	K165520114012	Trần Văn	Dương	K52CĐT.01	MOCO	100.000	6	600.000	
47	K175520207026	Hoàng Thị	Thùy	K53ĐTT.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
48	K175520207032	Nguyễn Thị	Uyên	K53ĐTT.01	HN-HG	100.000	6	600.000	
49	K135520103185	Dương Xuân	Khu	K49CCM.02	DT-VC	140.000	6	840.000	
50	K135520103218	Lương Văn	Tuynh	K49CCM.03	DT-VC	140.000	6	840.000	
51	K135520103327	Vàng A	Lợi	K49CCM.04	DT-VC	140.000	6	840.000	
52	K135520103445	Triệu Tuấn	Vũ	K49KTK.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
53	K145520103037	Lâm Văn	Mai	K50CCM.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
54	K145520103129	Vàng Láo	Tả	K50CCM.02	DT-VC	140.000	6	840.000	
55	K145520103203	Hoàng Ngọc	Sơn	K50CCM.03	DT-VC	140.000	6	840.000	
56	K145520103213	Nông Thắm	Tuấn	K50CCM.03	DT-VC	140.000	6	840.000	
57	K145520103240	Hoàng Văn	Dương	K50CCM.04	DT-VC	140.000	6	840.000	
58	K145520103303	Đình Quốc	Việt	K50KC.04	DT-VC	140.000	6	840.000	
59	K155520103036	Hoàng Văn	Linh	K51CCM.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
60	K155520103199	Triệu Văn	Thực	K51CCM.03	DT-VC	140.000	6	840.000	
61	K155520103239	Luân Văn	Hùng	K51CCM.04	DT-VC	140.000	6	840.000	
62	K175520103138	Châu Văn	Thuy	K53KC.03	DT-VC	140.000	6	840.000	
63	K175520103141	Hà Minh	Tuấn	K53KC.03	MOCO	100.000	6	600.000	
64	K145510604038	Triệu Văn	Tuấn	K50KTN.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
65	K155510601004	Triệu Thị	Quyến	K51KTN.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
66	K135510604140	Hà Thị	Nở	K50KTN.01	HN-HG	100.000	6	600.000	
67	K145520103032	Dương Văn	Lâm	K2 CN-KTO.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
68	K145510205052	Lò Văn	Tính	K2 CN-KTO.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
69	K135520103118	Lao Văn	Nguyên	K49CĐL.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
70	K135520103433	Mùng Duy	Tùng	K49CĐL.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
71	K145520103209	Lý Văn	Tú	K50CĐL.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
72	K145520103272	Viên Văn	Nhượng	K50CĐL.01	DT-VC	140.000	6	840.000	



73	K145905228012	Hoàng Minh	Thắng	K50CĐL.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
74	K155520103100	Hoàng Văn	Hưng	K51CĐL.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
75	K175510205009	Đặng Văn	Đức	K53CN-KTO.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
76	K175510205081	Cử Mí	Lùng	K53CN-KTO.02	DT-VC	140.000	6	840.000	
77	K175510205090	Bùi Văn	Quyết	K53CN-KTO.02	DT-VC	140.000	6	840.000	
78	K145510301091	Nông Thị	Hoa	K2 CN-ĐĐT.02	DT-VC	140.000	6	840.000	
79	K145510301094	Nông Ngọc	Huy	K2 CN-ĐĐT.02	DT-VC	140.000	6	840.000	
80	K145510301102	Nông Ngọc	Quyến	K2 CN-ĐĐT.02	DT-VC	140.000	6	840.000	
81	K175510202007	Phạm Phúc	Phong	K53CN-CTM.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
82	K155510202009	Hoàng Hải	Phong	K51CN-CTM.01	MOCO	100.000	6	600.000	
83	K135520320037	Giàng Seo	Lâu	K49KTM.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
84	K135520320065	Đinh Ngọc	Thủy	K49KTM.01	DT-VC	140.000	6	840.000	
		Cộng						68.400.000	

Bằng chữ: Sáu mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn.

NGƯỜI LẬP

PHÒNG CTHSSV

PHÒNG KH-TC

HIỆU TRƯỞNG











Vũ Thị Thu

ThS. Nguyễn Tiến Dũng

TS. Đoàn Quang Thiệu

PGS.TS. Nguyễn Duy Cường

